

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 09/2024/KDTM - ST

Ngày: 16/8/2024

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đức.
2. Ông Hà Đồng Tịnh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST - KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST - KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-HPT ngày 7 tháng 8 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 110/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần K**. Địa chỉ trụ sở chính: **số 22 đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**; Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Văn B** - Chức vụ: giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Q**, sinh năm: 1964, địa chỉ: **tổ 23, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**, theo Giấy ủy quyền ngày 05.7.2024 của Giám đốc **Công ty cổ phần K (có mặt)**.

* *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần H**. Địa chỉ: **số 388 N, SH01.09 phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định**. Người đại diện theo pháp luật: ông **Ngô Trần V** - chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1991. Địa chỉ: số 388 N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo văn bản ủy quyền ngày 05.7.2024 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Q - đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2022, Công ty cổ phần K và Công ty Cổ phần H có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số: 159/2022- HĐMB ngày 02/01/2022 về việc mua bán sắt thép xây dựng các loại sản xuất trong nước. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán hai bên đã thống nhất theo hợp đồng, xác nhận đơn hàng và biên bản giao nhận hàng hoá đã được hai bên ký xác nhận. Hai bên không thoả thuận lãi suất chậm thanh toán.

Thực hiện hợp đồng trên, theo yêu cầu của bên mua, Công ty K đã nhiều lần giao hàng sắt thép các loại cho Công ty Cổ phần H với tổng giá trị 1.443.323.524 đồng với hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng, được xác định tại xác nhận đơn hàng theo từng lô và đã được Công ty Cổ phần H xác nhận. Công ty cổ phần K đã xuất hoá đơn đầy đủ theo từng đơn hàng.

Tuy nhiên, sau khi nhận hàng Công ty Cổ phần H không thanh toán tiền hàng cho Công ty cổ phần K. Ngày 15/12/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty Cổ phần H xác nhận còn nợ Công ty cổ phần K số tiền hàng là 1.443.323.524 đồng. Từ đó đến nay Công ty Cổ phần H vẫn không thanh toán tiền hàng cho Công ty cổ phần K.

Vì vậy Công ty cổ phần K khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần H phải thanh toán cho Công ty cổ phần K 1.443.323.524 đồng tiền hàng và tiền lãi là 89.678.830 đồng (lãi tính đến ngày 16/8/2024, theo mức lãi suất 0,67%/tháng, có bản kê tính lãi kèm theo).

* Bà Nguyễn Thị Kim T - đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn trình bày:

Tôi là người được Tổng giám đốc Công ty Cổ phần H uỷ quyền tham gia tố tụng. Tôi thừa nhận vào ngày 02/01/2022, Công ty cổ phần K và Công ty Cổ phần H có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số: 159/2022- HĐMB ngày 02/01/2022 về việc mua bán sắt thép xây dựng các loại sản xuất trong nước như phía Nguyên đơn trình bày. Hai bên không thoả thuận lãi suất chậm thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần K đã nhiều lần giao hàng cho Công ty chúng tôi với tổng giá trị hàng hoá sắt thép các loại là 1.443.323.524 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng. Công ty cổ phần K đã xuất hoá đơn đầy đủ theo từng đơn hàng.

Ngày 15/12/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty Cổ phần H xác nhận còn nợ Công ty cổ phần K số tiền hàng là 1.443.323.524 đồng. Do các công trình chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần H nên Công ty Cổ phần H chậm thanh toán lại cho Công ty cổ phần K. Tuy nhiên, qua làm việc với Giám đốc của Công ty cổ phần K thì Giám đốc Công ty cổ phần K có đồng ý bằng miệng cho Công ty chúng tôi được chậm trả cho đến khi thu hồi được công nợ của các công trình, vì vậy cho đến nay Công ty chúng tôi vẫn chưa trả được số tiền hàng nói trên cho Công ty cổ phần K.

Nay Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty chúng tôi phải thanh toán cho Công ty cổ phần K 1.443.323.524 đồng tiền hàng và tiền lãi là 89.678.830 đồng (lãi tính đến ngày 16/8/2024, theo mức lãi suất 0,67%/tháng) thì Công ty chúng tôi xin được trả dần mỗi tháng 200.000.000 đồng, vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ 28/8/2024 cho đến khi trả hết nợ tiền hàng. Riêng tiền lãi thì Công ty chúng tôi xin được trả cho Công ty cổ phần K sau khi thanh toán xong toàn bộ tiền hàng. Trước đây trong quá trình hoà giải tôi đề nghị Công ty cổ phần K giảm bớt tiền lãi cho Công ty chúng tôi, nhưng tại phiên tòa tôi chấp nhận mức lãi suất cũng như tổng số tiền lãi mà Công ty cổ phần K yêu cầu, tôi không đề nghị giảm lãi nữa.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án án như sau:

Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với HĐXX: tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” giữa Công ty cổ phần K đối với Công ty Cổ phần H. Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty cổ phần K tổng số tiền 1.533.002.354 đồng. Trong đó, tiền hàng còn nợ là: 1.443.323.524 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 89.678.830 đồng (tính đến ngày 16/8/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần K đối với Công ty Cổ phần H là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá, tại hợp đồng các bên thoả thuận Toà án nhân dân quận S là Toà án nơi có trụ sở của Nguyên đơn giải quyết tranh chấp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hoá số 159/2022- HĐMB ngày 02/01/2022 về việc mua bán sắt thép xây dựng các loại sản xuất trong nước giữa Công ty cổ phần K và Công ty Cổ phần H được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, có nội dung và hình thức không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần K đã thực hiện giao hàng là sắt thép xây dựng các loại đầy đủ theo nội dung hợp đồng mà hai bên đã ký kết, được xác định tại xác nhận đơn hàng theo từng lô và đã được Công ty Cổ phần H xác nhận. Công ty cổ phần K đã xuất hoá đơn đầy đủ theo từng đơn hàng. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng Công ty Cổ phần H không thanh toán tiền hàng cho Công ty cổ phần K. Ngày 15/12/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty Cổ phần H xác nhận còn nợ Công ty cổ phần K số tiền hàng là 1.443.323.524 đồng nhưng từ đó đến nay Công ty Cổ phần H vẫn không thanh toán cho Công ty cổ phần K. Như vậy Công ty Cổ phần H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng, được hai bên thoả thuận tại Điều 2 các Xác nhận đơn hàng ngày 02/10/2023, ngày 06/11/2023 và ngày 10/11/2023 mà hai bên đã ký kết. Do đó, Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty Cổ phần H phải thanh toán số tiền hàng 1.443.323.524 đồng còn nợ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần K, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các Xác nhận đơn hàng ngày 02/10/2023, ngày 06/11/2023 và ngày 10/11/2023 mà hai bên đã ký kết, Công ty cổ phần K đã lần lượt giao hàng theo từng đơn hàng. Cụ thể:

- Xác nhận đơn hàng ngày 02/10/2023, ngày 04/10/2023 Công ty cổ phần K giao hàng và ngày 05/10/2023 xuất hoá đơn giá trị gia tăng;

- Xác nhận đơn hàng ngày 06/11/2023, trong ngày 06/11/2023 Công ty cổ phần K giao hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng;

- Xác nhận đơn hàng ngày 10/11/2023, thì ngày 14 và 15/11/2023 Công ty cổ phần K giao hàng, ngày 16/11/2023 xuất hoá đơn giá trị gia tăng.

Theo Điều 2 các Xác nhận đơn hàng nói trên thì thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Do đó, việc Công ty cổ phần K xác định thời điểm tính lãi sau 15 ngày kể từ ngày nhận hàng và xuất hoá đơn của từng đơn hàng là phù hợp. Xét mức lãi suất 0,67%/tháng

mà Công ty cổ phần K yêu cầu không vượt quá mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường (gồm 03 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP C1, Ngân hàng N1). Cụ thể: $(09\%/năm + 12,5\%/năm + 8,5\%/năm) \times 150\% : 3 = 15\%/năm$ (1,25%/tháng); tại phiên toà đại diện Bị đơn cũng chấp nhận mức lãi suất cũng như tổng số tiền lãi mà Công ty cổ phần K yêu cầu, do đó yêu cầu về lãi suất của Nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận. Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty cổ phần K số tiền lãi 89.678.830 đồng, tính đến ngày xét xử (16.8.2024) là phù hợp.

[2.3] Đối với ý kiến của Công ty Cổ phần H về việc xin được trả dần mỗi tháng 200.000.000 đồng, vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ 28/8/2024 cho đến khi trả hết nợ tiền hàng. Riêng tiền lãi Công ty Cổ phần H xin được trả cho Công ty cổ phần K sau khi thanh toán xong toàn bộ tiền hàng. Xét thấy, số nợ trên phát sinh đã lâu, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần K cũng không đồng ý cho trả dần nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty cổ phần K được chấp nhận nên Công ty Cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần H phải chịu là: 57.990.000 đồng (làm tròn số).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K số tiền 28.384.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 14.5.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 266 của Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” của Công ty cổ phần K đối với Công ty Cổ phần H.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty cổ phần K tổng số tiền 1.533.002.354 đồng. Trong đó, tiền hàng còn nợ là: 1.443.323.524 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 89.678.830 đồng (tính đến ngày 16/8/2024).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 57.990.000 đồng Công ty Cổ phần H phải chịu. Hoàn trả cho Công ty cổ phần K số tiền 28.384.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 14.5.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục thi hành án dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hoà

